VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình

Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình[1].

---

[1] Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc quản lý nội dung thông tin, chất lượng, giá, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam; thu xem kênh chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý nội dung thông tin, chất lượng, giá, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam; hoạt động thu xem kênh chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1.[2] Dịch vụ phát thanh, truyền hình là dịch vụ cung cấp nguyên vẹn các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài và các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, các nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng trên hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến người sử dụng. Dịch vụ phát thanh, truyền hình có thể được cung cấp trực tiếp đến người sử dụng dịch vụ không qua thiết bị lưu trữ, làm chậm (dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến) hoặc theo yêu cầu riêng biệt của thuê bao sử dụng dịch vụ (dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu).

2.[3] Dịch vụ giá trị gia tăng là dịch vụ cung cấp nội dung làm tăng thêm tiện ích của dịch vụ phát thanh, truyền hình, gắn liền với kênh chương trình và các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

3. Kênh chương trình trong nước là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (báo nói, báo hình) của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật.

4. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu là kênh chương trình trong nước do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền trong từng giai đoạn; gồm kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.

5. Kênh chương trình nước ngoài là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện bằng tiếng nước ngoài.

6. Hoạt động liên kết sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình là hoạt động hợp tác để thực hiện việc sản xuất chương trình, kênh chương trình trong nước giữa đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước và đối tác liên kết thông qua hợp đồng liên kết.

7.[4] Đơn vị cung cấp nội dung là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu bản quyền hoặc có thỏa thuận sử dụng bản quyền hợp pháp đối với nội dung cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.

8.[5] Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ và trực tiếp cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ.

9. Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình là mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

10. Người sử dụng dịch vụ là tổ chức, cá nhân có thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

11.[6] Thuê bao sử dụng dịch vụ (gọi tắt là thuê bao) là người sử dụng dịch vụ có ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới hình thức văn bản hoặc điện tử.

12. Thiết bị đầu cuối là thiết bị thu tín hiệu phát thanh, truyền hình tại điểm kết cuối của hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình ở phía người sử dụng.

13. Thiết bị đầu cuối phát thanh, truyền hình trả tiền là thiết bị đầu cuối có tích hợp chức năng phù hợp với yêu cầu bảo vệ nội dung và quản lý thuê bao của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

14. Điểm kết cuối dịch vụ phát thanh, truyền hình là điểm đấu nối vật lý thuộc mạng viễn thông theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để bảo đảm việc đấu nối thiết bị đầu cuối vào mạng viễn thông và phân định ranh giới kinh tế, kỹ thuật giữa đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình và người sử dụng dịch vụ.

15. Trung tâm thu phát là vị trí các thiết bị phát thanh, truyền hình được thiết lập thành hệ thống để thu, xử lý tín hiệu băng cơ sở và cấp tín hiệu phát thanh, truyền hình đến hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để cung cấp đến người sử dụng.

16.[7] Chương trình trong nước là chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của Luật Báo chí; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức Việt Nam sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

17.[8] Chương trình nước ngoài là chương trình phát thanh, truyền hình thuộc kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức nước ngoài sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.

18.[9] Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu gồm: phim, chương trình trong nước, chương trình nước ngoài.

19.[10] Cước dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền là số tiền thuê bao phải chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để được sử dụng dịch vụ theo ngày hoặc tuần hoặc tháng hoặc năm hoặc từng nội dung theo thỏa thuận của hợp đồng.

Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Các loại dịch vụ phát thanh, truyền hình, bao gồm:

a) Dịch vụ truyền hình mặt đất: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất kỹ thuật số để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ;

b) Dịch vụ truyền hình cáp: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình cáp áp dụng các công nghệ khác nhau để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ, gồm: Dịch vụ truyền hình cáp tương tự; dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số; dịch vụ truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV);

---

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

c) Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình qua vệ tinh để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ;

d) Dịch vụ truyền hình di động: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình di động mặt đất, truyền hình di động qua vệ tinh, truyền hình qua mạng viễn thông di động mặt đất để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ;

đ)[11] Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua các địa chỉ tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý, gồm cả ứng dụng Internet.

2. Các dịch vụ phát thanh, truyền hình quy định tại Khoản 1 Điều này được cung cấp đến người sử dụng theo hai phương thức quảng bá và trả tiền, như sau:

a) Dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá là dịch vụ do doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cung cấp cho người sử dụng dịch vụ tự do mà không áp dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát hoặc ràng buộc điều kiện thu tín hiệu;

b) Dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền là dịch vụ do doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cung cấp cho người sử dụng dịch vụ có áp dụng biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát và ràng buộc điều kiện thu tín hiệu.

Điều 5. Chính sách quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình

1.[12] Phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc bằng công nghệ hiện đại để mọi người dân dễ dàng tiếp cận các chương trình, kênh

---

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

chương trình trong nước; triển khai phủ sóng truyền hình qua vệ tinh theo phương thức quảng bá tại các địa bàn khó khăn không có sóng truyền hình mặt đất để mọi người dân thu, xem được các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.

2. Phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bền vững, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm huy động nguồn lực xã hội góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh, đa dạng của người dân.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội tham gia sản xuất các chương trình, kênh chương trình trong nước theo hình thức liên kết nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân; bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.[13] Quản lý việc cung cấp nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí, điện ảnh; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, bao gồm cả dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

5.[14] Kiểm tra, đánh giá hiệu quả nội dung thông tin, chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình bằng việc ứng dụng công nghệ số, thực hiện lưu chiểu, đo lường khán thính giả, điều tra xã hội học, đo kiểm kỹ thuật.

6. Tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệp hội truyền hình trả tiền và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình hoạt động hiệu quả để góp phần

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

7.[15] Duy trì hiện trạng cung cấp dịch vụ truyền hình cáp tương tự; chấm dứt cung cấp dịch vụ truyền hình cáp tương tự theo nhu cầu thị trường.

Điều 6. Quản lý nhà nước về dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các quy chuẩn kỹ thuật đối với hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình;

c) Quản lý nhà nước chuyên ngành về giá dịch vụ phát thanh, truyền hình;

d) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại và xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình;

đ) Quản lý và tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình;

e) Cấp, cấp đổi, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của Luật Báo chí và Nghị định này;

g) Hướng dẫn thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và ban hành thống nhất các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình;

h) Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình theo thẩm quyền.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình.

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

Chương II
QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Mục 1: DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH QUẢNG BÁ

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

1. Quyền của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

a) Được chủ động lựa chọn các kênh chương trình trong nước để cung cấp trên dịch vụ phù hợp quy định tại Điều 13 Nghị định này;

b) Được chủ động lựa chọn đơn vị có mạng viễn thông phù hợp để cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trong trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá không có mạng viễn thông;

c) Được sử dụng thiết bị chuyên dụng để cài đặt tên, biểu tượng nhận dạng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình phù hợp quy định tại Điều 23 Nghị định này.

2. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

a) Phải có kế hoạch dành dung lượng truyền dẫn để thực hiện truyền dẫn phát sóng trên dịch vụ các kênh chương trình theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định này và theo phân công trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền;

b) Chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình;

c) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

1. Quyền của người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

a) Được chủ động sở hữu thiết bị đầu cuối và lựa chọn sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá của các đơn vị cung cấp dịch vụ theo nhu cầu;

b) Được cung cấp thông tin về dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc;

c) Được khiếu nại về chất lượng dịch vụ đến cơ quan quản lý nhà nước.

2. Nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

Chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.

Điều 9. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

1. Phổ cập dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Bảo đảm phù hợp các quy hoạch của Nhà nước về: Báo chí; truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình; phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Bảo đảm phù hợp với các quy định về quản lý tài nguyên Internet và tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

4. Bảo đảm nội dung dịch vụ phù hợp với các quy định về quản lý nội dung thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định tại Nghị định này.

5. Bảo đảm phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Nhà nước về chất lượng thiết bị và dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Mục 2: DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Quyền của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Được chủ động lựa chọn các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng để cung cấp trên các gói dịch vụ;

b) Được sử dụng thiết bị chuyên dụng để cài đặt tên, biểu tượng nhận dạng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình của các gói dịch vụ phù hợp quy định tại Điều 23 Nghị định này;

c) Được chủ động lựa chọn đơn vị có mạng viễn thông phù hợp để cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không có mạng viễn thông;

d) Được áp dụng công nghệ kỹ thuật phù hợp với loại hình dịch vụ để cung cấp tính năng tùy chọn ngôn ngữ Tiếng Việt bằng âm thanh hoặc phụ đề do đơn vị được cấp Giấy phép biên tập chương trình, kênh chương trình nước ngoài thực hiện.

2. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình và các nội dung khác trên dịch vụ;

b) Chấp hành các quy định của Nhà nước về phí, lệ phí, giá và hợp đồng cung cấp dịch vụ;

c) Chấp hành các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được cấp;

d) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định;

đ) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có mạng viễn thông chấp hành các quy định về sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về viễn thông;

e) Không được cung cấp, thử nghiệm cung cấp các kênh chương trình ngoài danh mục đã được cấp đăng ký trên dịch vụ dưới mọi hình thức;

g) Không được mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức;

h) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của thuê bao phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Quyền của thuê bao phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Được lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Được yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến chất lượng và điều kiện sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

c) Được sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo chất lượng, giá cước và các quy định khác theo hợp đồng đã giao kết với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

d) Được từ chối sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo hợp đồng đã giao kết với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

đ) Được bảo đảm bí mật thông tin riêng theo quy định của pháp luật;

e) Được khiếu nại về giá cước, chất lượng dịch vụ; được hoàn trả giá cước và bồi thường thiệt hại trực tiếp khác do lỗi của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong trường hợp dịch vụ không được cung cấp theo đúng hợp đồng đã giao kết.

2. Nghĩa vụ của thuê bao phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá cước dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Phải thực hiện đầy đủ các điều khoản được quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

c) Chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình;

d) Không được cung cấp hoặc bán lại dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức.

Điều 12. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Điều kiện cấp Giấy phép:

a) Là doanh nghiệp Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ;

b) Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử;

c) Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; có xác nhận đăng ký tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

d) Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; văn bản

chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán;

đ) Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;

e) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;

g) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định này), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung;

h) Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Hồ sơ cấp Giấy phép

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b)[16];

c)[17] Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến và

---

[16] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[17] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (nếu có); phương tiện thanh toán; dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong ký kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ và các nội dung quy định tại các điểm b, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này;

Đối với dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định này, trường hợp trên dịch vụ không cung cấp các kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu: Thực hiện kê khai theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, gồm các nội dung: Phạm vi, điều kiện kỹ thuật cung cấp dịch vụ; phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên, dự kiến nhóm nội dung cung cấp trên dịch vụ; tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng Internet cung cấp dịch vụ;

d) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có mạng viễn thông trong thời gian Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có hiệu lực đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; bản sao xác nhận đăng ký tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định này không có mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;

đ) Hồ sơ đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Nghị định này;

e)[18] Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, trừ trường hợp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình.

---

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

3. Thủ tục cấp Giấy phép

a) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[19] và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Trong thời hạn 24 ngày làm việc[20] kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Thời hạn Giấy phép

a) Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn hiệu lực tối đa trong 10 (mười) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; xác nhận đăng ký tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

b) Sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực, nếu doanh nghiệp được cấp Giấy phép không thực hiện việc cung cấp dịch vụ phát thanh,

---

[19] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[20] Cụm từ "30 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "24 ngày làm việc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

truyền hình trả tiền thì Giấy phép không còn giá trị. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi Giấy phép;

Nếu muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này.

5. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép:

a) Các trường hợp thay đổi về trung tâm thu phát, công nghệ kỹ thuật, loại hình dịch vụ thì doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này;

b) Thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi;

c) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[21];

d) Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc[22], kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

---

[21] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[22] Cụm từ "15 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "12 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

đ) Các trường hợp thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.

6. Gia hạn Giấy phép

a) 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn, nêu rõ thời hạn gia hạn kèm theo bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp đến Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc[23], kể từ ngày nhận được văn bản hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp gia hạn Giấy phép. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

c) Giấy phép được gia hạn không quá 01 (một) lần và có hiệu lực không quá 05 (năm) năm nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; xác nhận đăng ký tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

7. Hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực hoặc gia hạn Giấy phép hết hiệu lực thì doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này;

b) Trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được, doanh nghiệp có Giấy phép gửi văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép đến Bộ Thông tin và Truyền thông. Văn bản đề nghị phải nêu rõ số Giấy phép, ngày cấp của Giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại Giấy phép. Trường hợp Giấy phép bị hư hỏng thì phải gửi kèm theo bản Giấy phép bị hư hỏng;

---

[23] Cụm từ "20 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "16 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

c) Trong thời hạn 8 (tám) ngày làm việc[24] kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, cấp lại Giấy phép. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Chương III
QUẢN LÝ NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Điều 13. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

1. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá, gồm:

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương;

b)[25] Các kênh chương trình trong nước được phép cung cấp trên dịch vụ quảng bá.

2.[26] Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín hiệu từ Tổng khống chế của cơ quan báo chí hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ.

---

[24] Cụm từ "10 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "8 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[25] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

3. Các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá có trách nhiệm bảo đảm tính nguyên vẹn của các kênh chương trình, trừ trường hợp cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) của đơn vị cung cấp dịch vụ trên kênh chương trình để nhận dạng dịch vụ như quy định tại Điều 23 Nghị định này.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương dựa trên tôn chỉ, mục đích của kênh và phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền theo từng giai đoạn.

Điều 14. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được tổ chức thành các gói dịch vụ và dịch vụ được quy định, như sau:

1.[27] Gói dịch vụ cơ bản là gói dịch vụ mà đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải cung cấp đến thuê bao và phải được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ, bao gồm: các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu; có thể có các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, cụ thể:

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải được cung cấp đến tất cả thuê bao;

b) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải được cung cấp đến các thuê bao tại địa phương nơi đơn vị cung cấp dịch vụ theo địa bàn hành chính, trừ trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ truyền dẫn, phát sóng không có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình;

c) Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín hiệu từ Tổng khống chế của cơ quan báo chí hoặc từ một

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ;

d) Các kênh chương trình nước ngoài và kênh chương trình trong nước khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định.

2. Gói dịch vụ nâng cao là gói dịch vụ có các kênh chương trình trong nước và kênh chương trình nước ngoài do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định.

3.[28] Gói dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu là gói dịch vụ gồm các chương trình, phim đã được phát trên các kênh chương trình; nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu quy định tại khoản 18 Điều 3 Nghị định này đã được thực hiện biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 20a Nghị định này.

4.[29] Các nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng đã được thực hiện biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 20a Nghị định này.

5.[30] Trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu trên mạng Internet thì không phải cung cấp các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia, địa phương đến thuê bao.

Điều 15. Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước

1. Đơn vị đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước phải là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình.

2. Hồ sơ cấp Giấy phép

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

---

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[30] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

b) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;

c) Đề án sản xuất kênh chương trình trong đó nêu rõ: Mục đích sản xuất; tên gọi, biểu tượng (lôgô); tôn chỉ, mục đích kênh chương trình; nội dung kênh chương trình; độ phân giải hình ảnh của kênh chương trình; khung chương trình dự kiến trong 01 (một) tháng; đối tượng khán giả; năng lực sản xuất kênh chương trình (gồm: Nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình; phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hiệu quả kinh tế xã hội của kênh;

d) Trường hợp kênh chương trình là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình phải cung cấp các thông tin về sản phẩm liên kết, gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ các bên tham gia liên kết;

đ) Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, Đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt;

e) Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép phải làm Đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.

3. Thủ tục cấp Giấy phép

a) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[31] và cơ quan báo chí phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ;

---

[31] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

b) Trong thời hạn 24 (hai tư) ngày làm việc[32], kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Thời hạn Giấy phép

a) Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hiệu lực tối đa 10 (mười) năm kể từ ngày cấp, nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình của đơn vị được cấp Giấy phép. Đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước được chủ động cung cấp kênh chương trình sản xuất theo Giấy phép cho các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trong cả nước;

b) Sau 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực, nếu đơn vị được cấp Giấy phép không thực hiện việc sản xuất kênh chương trình thì Giấy phép không còn giá trị. Nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình, đơn vị phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép, áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này.

5. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép

a) Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình thì đơn vị có Giấy phép thực hiện hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này;

b) Trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép, đơn vị có Giấy phép phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi và văn bản chấp thuận thay đổi của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành; đối với cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị thay đổi do người đứng đầu cơ quan báo chí ký;

c) Đối với trường hợp tăng hoặc giảm thời lượng kênh chương trình, thời lượng chương trình tự sản xuất, ngoài các yêu cầu về hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 5 Điều này, đơn vị có Giấy phép phải có Đề án nêu rõ tên, nội dung, thời

---

[32] Cụm từ "30 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "30 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

gian, thời lượng phát sóng chương trình tăng thêm hoặc các chương trình cắt giảm; khung chương trình dự kiến phát sóng trong 01 (một) tháng; phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm;

d) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[33];

đ) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc[34], kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

6. Hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình, đơn vị có Giấy phép phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép;

b) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép do người đứng đầu cơ quan báo chí ký; đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành phải kèm theo văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép của cơ quan chủ quản;

c) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước đã được cấp;

---

[33] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[34] Cụm từ "15 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "12 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

d) Báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kênh chương trình kể từ ngày được cấp Giấy phép có các nội dung: Cung cấp số liệu đánh giá hiệu quả tác động của kênh, danh sách các chương trình hoặc chuyên mục phát sóng trên kênh (gồm: thời gian, thời lượng phát sóng; nguồn chương trình; khung chương trình phát sóng; danh sách cán bộ lãnh đạo phụ trách các phòng, ban nghiệp vụ hoặc kênh chương trình; phóng viên, biên tập viên chịu trách nhiệm sản xuất kênh chương trình);

đ) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[35];

e) Trong thời hạn 24 (hai tư) ngày làm việc[36] kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 16. Liên kết sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình

1. Đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước được lựa chọn và chịu trách nhiệm về đối tác là tổ chức có pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để liên kết sản xuất một phần hoặc toàn bộ chương trình, kênh chương trình.

2. Quyền lợi của đối tác liên kết được trả bằng quyền lợi từ hoạt động quảng cáo, tài trợ hoặc nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình khi phát sóng chính chương trình, kênh chương trình liên kết.

---

[35] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[36] Cụm từ "30 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "24 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

3.[37] Thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình thuộc các lĩnh vực được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 37 Luật Báo chí, trừ các chương trình phát thanh, truyền hình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

4. Các chương trình thực hiện hoạt động liên kết trong kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước và kênh thời sự - chính trị tổng hợp không được vượt quá 30% tổng thời lượng chương trình phát sóng lần 1 (một) theo Giấy phép sản xuất của kênh này.

5. Các đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước khi thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình có trách nhiệm:

a) Quyết định nội dung phát sóng của chương trình, kênh chương trình liên kết bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật về báo chí;

b) Báo cáo bằng văn bản khi thực hiện chương trình liên kết mới.

c)[38] Kiểm soát và chịu trách nhiệm về nội dung để bảo đảm các chương trình liên kết được biên tập, phân loại trước khi phát sóng hoặc cung cấp đến các nền tảng truyền thông số khác;

d)[39] Kiểm soát và chịu trách nhiệm về hoạt động của đối tác liên kết trong quá trình tổ chức sản xuất chương trình, kênh chương trình liên kết.

Điều 17. Kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau:

---

[37] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[38] Điểm này được bổ sung theo quy định tại biểm b khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[39] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

1. Số lượng kênh chương trình nước ngoài khai thác trên hệ thống dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không vượt quá 30% tổng số kênh khai thác.

2. Có nội dung lành mạnh, phù hợp văn hóa Việt Nam, không vi phạm những quy định của pháp luật về báo chí của Việt Nam.

3. Đã đáp ứng yêu cầu quyền sở hữu hoặc sử dụng bản quyền nội dung khi cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam.

4. Đã được chứng nhận đăng ký cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

5. Được một đơn vị có Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài theo quy định tại Điều 20 Nghị định này thực hiện biên tập, biên dịch và chịu trách nhiệm về nội dung biên tập, biên dịch.

6.[40] Không bao gồm nội dung quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam. Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập là đầu mối thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo như đối với kênh truyền hình trả tiền.

7. Đã có đại lý được ủy quyền tại Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 18. Đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Các hãng truyền hình nước ngoài cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam có thu phí bản quyền nội dung phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam để thực hiện việc đăng ký cung cấp kênh chương trình và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam.

2. Các hãng truyền hình nước ngoài phải quy định rõ phạm vi ủy quyền cho mỗi đại lý khi đồng thời thực hiện ủy quyền từ 02 (hai) đại lý trở lên.

3. Đối với các kênh chương trình nước ngoài không có thu phí bản quyền nội dung, các hãng truyền hình nước ngoài chỉ thực hiện thủ tục biên tập, biên dịch theo quy định, không phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam.

---

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

4. Đại lý được ủy quyền là doanh nghiệp Việt Nam và được các hãng truyền hình nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam.

5. Đại lý được ủy quyền có trách nhiệm đăng ký cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam với Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài

a) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực;

c)[41] Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;

d)[42];

đ) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

---

[41] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[42] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

e) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

g) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[43] và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký;

h) Trong thời hạn 24 (hai tư) ngày làm việc[44], kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký;

i) Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong văn bản ủy quyền làm đại lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

7. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký

a) Trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đăng ký áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu quy định tại Khoản 6 Điều này;

---

[43] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[44] Cụm từ "30 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "24 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

b) Các thay đổi khác với quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này, doanh nghiệp có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký của đại lý được ủy quyền nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điểm c, d, đ Khoản này;

c) Văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi;

d) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;

đ) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình;

e) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[45] và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ;

g) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc[46], kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận

---

[45] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[46] Cụm từ "20 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "16 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

8. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;

b) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1.[47] Việc biên tập các kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm:

a) Biên tập, quản lý nội dung không được trái quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, điện ảnh, quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Biên tập, thực hiện cảnh báo nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về trẻ em, điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2.[48] Việc biên dịch kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định việc phân loại kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Điều 20. Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Việc cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thực hiện với từng kênh chương trình và phù hợp

---

[47] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[48] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển và quản lý báo chí toàn quốc[49].

2. Điều kiện cấp Giấy phép

a) Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;

b) Có văn bản chấp thuận và đề nghị cấp Giấy phép biên tập của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị cấp Giấy phép phải do người đứng đầu cơ quan báo chí ký;

c) Có nhân sự đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn báo chí, có thẻ nhà báo và trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép biên tập;

d) Có năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu biên tập, gồm: Hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình; bảo đảm công tác biên tập, biên dịch được thực hiện tại Việt Nam theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;

đ) Có năng lực tài chính cần thiết thể hiện bởi dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong 01 (một) năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp bảo đảm thực hiện công tác biên tập, biên dịch theo dự toán;

e) Có bản quyền hoặc văn bản cho phép được sử dụng kênh chương trình nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;

c) Đề án biên tập kênh chương trình nước ngoài thể hiện các nội dung quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều này kèm theo dự toán chi phí được phê duyệt bởi cơ

---

[49] Cụm từ "Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc" được thay thế bằng cụm từ "Chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển và quản lý báo chí toàn quốc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

quan chủ quản báo chí đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành hoặc người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt đối với các cơ quan báo chí Trung ương;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình nước ngoài. Trường hợp văn bản thỏa thuận bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt Nam và chứng thực đối với bản dịch;

đ) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[50] và cơ quan báo chí phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ;

e) Trong thời hạn 24 (hai tư) ngày làm việc[51] kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Thời hạn Giấy phép

Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực tối đa là 10 (mười) năm kể từ ngày cấp, nhưng không quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và thời hạn ghi trong văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình.

---

[50] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[51] Cụm từ "30 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "24 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

5. Trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình nước ngoài thì đơn vị có Giấy phép thực hiện hồ sơ, thủ tục áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại Khoản 3 Điều này.

6. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kèm theo thuyết minh về các nội dung thay đổi khác quy định tại Khoản 5 Điều này của cơ quan báo chí do người đứng đầu cơ quan báo chí ký. Đối với cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của các Bộ, ngành văn bản đề nghị phải có xác nhận của cơ quan chủ quản;

b) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;

c) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình;

d) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[52];

đ) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc[53] kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi,

---

[52] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[53] Cụm từ "20 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "16 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

7. Hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục biên tập kênh chương trình, đơn vị có Giấy phép phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép;

b) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

c) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;

d) Báo cáo đánh giá hoạt động biên tập kênh chương trình nước ngoài kể từ thời điểm được cấp Giấy phép có các nội dung: Tự đánh giá về hiệu quả hoạt động biên tập, nhân lực, trang thiết bị, thuận lợi, khó khăn trong công tác thực hiện biên tập;

đ) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[54] và cơ quan báo chí phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ;

e) Trong thời hạn 24 (hai tư) ngày làm việc[55] kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép biên

---

[54] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[55] Cụm từ "30 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "24 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông trả lời nêu rõ lý do.

Điều 20a. Biên tập, phân loại, biên dịch nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu.[56]

1. Biên tập, phân loại nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu thực hiện như sau:

a) Đối với chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội: Phải được cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình sản xuất, biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ;

b) Đối với phim: Trước khi cung cấp trên dịch vụ, đơn vị cung cấp dịch vụ phải bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, kết quả phân loại phim theo tiêu chí phân loại do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ chưa bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim thì đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền thực hiện phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

c) Đối với chương trình thể thao, giải trí: Phải được biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ và hiển thị cảnh báo trong khi cung cấp dịch vụ, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Đơn vị cung cấp dịch vụ căn cứ nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định của pháp luật liên quan để thực hiện hoạt động biên tập, phân loại.

2. Biên dịch nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu: Việc biên dịch phim, chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Nội dung biên dịch đối với từng loại chương trình (nếu có) được thực hiện biên tập, phân loại như quy định tại khoản 1 Điều này.

---

[56] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan ngăn chặn việc phổ biến các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu không thực hiện biên tập, phân loại theo các quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

1.[57] Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá:

Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá chủ động lựa chọn danh mục kênh chương trình trong nước phù hợp quy định tại Điều 13 Nghị định này để cung cấp trên dịch vụ và không phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục kênh; thực hiện thông báo danh mục kênh theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký danh mục nội dung các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài;

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không phải thực hiện đăng ký danh mục nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng. Các nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này;

3.[58] Yêu cầu đối với nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng

a) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bản quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này;

b) Được thực hiện biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 20a Nghị định này;

---

[57] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[58] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

c) Nội dung quảng cáo (nếu có) được đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện biên tập bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

d) Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lập hồ sơ theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, nếu có thay đổi so với danh mục nội dung đã đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung.

5. Hồ sơ đăng ký lần đầu, đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Tờ khai đăng ký, đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu;

d) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)[59];

---

[59] Cụm từ "lập thành 02 (hai) bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Đối với hồ sơ đăng ký lần đầu được thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Đối với hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thời hạn xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký là 15 (mười lăm) ngày. Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 22. Bản quyền nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

1.[60] Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của pháp luật được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Các kênh chương trình khác trên dịch vụ phát thanh, truyền hình phải bảo đảm các yêu cầu về bản quyền như sau:

a) Có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm tính nguyên vẹn của chương trình, kênh chương trình, trừ trường hợp cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của Điều 23 Nghị định này.

3.[61] Các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bản quyền như sau:

---

[60] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a Khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[61] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điểm b Khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

a) Có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng (logo) của kênh chương trình;

c) Bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 20a Nghị định này.

Điều 23. Tên, biểu tượng đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình

Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) dịch vụ trên kênh chương trình truyền hình để nhận dạng dịch vụ của mình theo các quy định sau:

1. Có khả năng nhận dạng dễ dàng.

2. Không vượt quá 10 (mười) ký tự và không trùng với tên, biểu tượng đã đăng ký trước đó.

3. Đặt ở 01 (một) trong 04 (bốn) góc của màn hình và không chồng lên biểu tượng của đơn vị cung cấp nội dung hoặc biểu tượng của kênh chương trình.

4. Có văn bản chứng nhận hoặc cam kết sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật đối với biểu tượng (lôgô) dịch vụ. Biểu tượng dịch vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải đăng ký cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Không cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước.

6. Chủ động chọn và đề xuất ít nhất 2 kênh chương trình trong danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ để thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) cho mục đích nhận dạng đơn vị cung cấp dịch vụ.

Chương IV
QUY CHUẨN KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG, BÁO CÁO NGHIỆP VỤ VÀ GIÁ DỊCH VỤ

Điều 24. Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật thiết bị, dịch vụ phát thanh, truyền hình, bao gồm:

1. Thiết bị đầu cuối phát thanh, truyền hình.

2. Thiết bị mã hóa tín hiệu băng cơ sở.

3. Thiết bị ghép luồng tín hiệu băng cơ sở.

4. Thiết bị tường lửa tại trung tâm thu phát.

5. Thiết bị định tuyến tại trung tâm thu phát.

6. Thiết bị quản lý người sử dụng (thuê bao).

7. Thiết bị bảo vệ nội dung.

8. Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh.

9. Dịch vụ truyền hình mặt đất.

10. Dịch vụ truyền hình cáp tương tự.

11. Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số.

12. Dịch vụ truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV).

13. Dịch vụ truyền hình di động mặt đất.

14. Dịch vụ truyền hình di động qua vệ tinh.

15. Dịch vụ truyền hình di động trên mạng viễn thông di động mặt đất.

16. Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Điều 25. Quản lý chất lượng thiết bị, dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Việc đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị và dịch vụ phát thanh, truyền hình được thực hiện như sau:

a) Thiết bị phát thanh, truyền hình phải thực hiện việc chứng nhận hợp quy hoặc công bố hợp quy đối với từng chủng loại thiết bị và gắn dấu hợp quy trước khi lưu thông trên thị trường;

b) Dịch vụ phát thanh, truyền hình quy định tại các Khoản 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 Điều 24 Nghị định này phải thực hiện công bố chất lượng và tuân thủ kiểm tra, giám sát chất lượng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Ban hành danh mục thiết bị phát thanh, truyền hình phải thực hiện thủ tục hợp quy theo từng thời kỳ;

b) Quy định cụ thể về hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết bị phát thanh, truyền hình;

c) Quy định thủ tục thực hiện công bố chất lượng và ban hành quy định quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Điều 26. Báo cáo nghiệp vụ

1.[62] Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ và mẫu biểu báo cáo đối với hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình.

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình có trách nhiệm:

a) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố nơi có triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3.[63] Các đơn vị có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm:

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

---

[62] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[63] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm sử dụng nội dung và số liệu báo cáo nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình và hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.

Điều 27. Giá dịch vụ

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật truyền dẫn phát sóng kênh chương trình trong nước phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá.

2. Giá dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện công khai theo quy định của pháp luật, như sau:

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ;

b) Địa điểm niêm yết giá dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại các cơ sở kinh doanh có quầy giao dịch cung cấp dịch vụ và các địa điểm khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định theo quy định của pháp luật.

Chương V
THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH

Điều 28. Thu tín hiệu truyền hình thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình

Người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam được lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh để thu xem các kênh chương trình truyền hình thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam mà không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Thu tín hiệu truyền hình không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam là thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

để thu xem các kênh chương trình truyền hình nước ngoài không qua biên tập bởi cơ quan báo chí.

2. Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ:

a) Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Các cơ quan báo chí;

c) Các cơ quan, tổ chức ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;

d) Văn phòng đại diện, văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài tại Việt Nam.

3. Các tổ chức không quy định tại Khoản 2 Điều này có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

4. Các doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các đối tượng sau:

a) Các đối tượng quy định tại Khoản 2, 3 Điều này không có điều kiện hoặc nhu cầu thiết lập riêng hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh;

b) Các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú.

5. Các đối tượng quy định tại các Khoản 2, 3 và Điểm b Khoản 4 Điều này phải thực hiện đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

6. Các doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và có thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng cung cấp tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập cho các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều này phải thực hiện đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

7.[64] Đối với các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet thì đơn vị cung cấp dịch vụ có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để cung cấp cho các đối tượng quy định tại các khoản 2 và 3, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định này và thực hiện thủ tục đăng ký với Sở Thông tin và Truyền thông như đối với thủ tục thu tín hiệu trực tiếp từ vệ tinh quy định tại Điều 30 Nghị định này.

Điều 30. Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

1. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý và xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn được giao quản lý.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh được quy định như sau:

a) Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định này; [65], Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định này;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa

---

[64] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[65] Cụm từ "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) đối với tổ chức" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

d) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

đ) Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc[66] kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

e) Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

g) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới;

b) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

---

[66] Cụm từ "15 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "12 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

c) Trong thời hạn 8 (tám) ngày làm việc[67] kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH [68]

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản quy phạm pháp luật và quy định sau đây hết hiệu lực:

a) Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền;

b) Quyết định số 18a/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động

---

[67] Cụm từ "10 ngày làm việc" được thay thế bằng cụm từ "8 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

[68] Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 12; điểm d khoản 6 Điều 18; điểm b khoản 2 Điều 30 về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.."

truyền hình trả tiền ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Thông tư số 19/2009/TT-BTTTT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc liên kết trong hoạt động sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình;

d) Các Điều 10, 11, 12 của Thông tư số 07/2011/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp Giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình hết hiệu lực.

3. Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp đang có hoạt động cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, có hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng nhưng chưa có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông nếu tiếp tục hoạt động cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông và cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

4. Các giấy phép, giấy chứng nhận được cấp theo quy định tại Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn đã được cấp Giấy phép.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 14/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2022

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng